

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 19/NH-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 1988

QUYẾT ĐỊNH

SỐ 19/NH-QĐ NGÀY 27-4-1988

BAN HÀNH TẠM THỜI THẺ LỆ TÍN DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ QUỐC DOANH VÀ TẬP THỂ

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 53-HĐBT ngày 26-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành tạm thời Thẻ lệ tín dụng vốn lưu động đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh và tập thể.

Điều 2. - Thẻ lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Thẻ lệ tín dụng vốn lưu động của Ngân hàng Nhà nước đã ban hành trước đây.

Điều 3. - Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh Việt Nam hướng dẫn cụ thể đối với từng ngành và từng loại hình tổ chức kinh tế.

Điều 4. - Các đồng chí Chánh văn phòng, Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh Việt Nam , Vụ trưởng, Viện trưởng của Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và Giám đốc chi nhánh Ngân hàng chuyên doanh tỉnh, thành phố, đặc khu hay khu vực chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

THẺ LỆ

TÍN DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC
KINH TẾ QUỐC DOANH VÀ TẬP THỂ.

(Ban hành theo Quyết định số 19-NH/QĐ ngày 27-4-1988 của Tổng

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Ngân hàng cho các tổ chức kinh tế quốc doanh, tập thể (sau đây gọi tắt là tổ chức kinh tế) vay vốn nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động để sản xuất, kinh doanh theo phương hướng kế hoạch, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Điều 2. - Tín dụng vốn lưu động phải bảo đảm có hiệu quả kinh tế (có vật tư bảo đảm, sử dụng vốn đúng mục đích), hoàn trả vốn và lãi đúng hạn.

Điều 3. - Tổ chức kinh tế muốn vay vốn Ngân hàng phải có đủ các điều kiện:

1. Có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo đúng quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
2. Hạch toán kinh tế độc lập, có vốn lưu động tự có theo chế độ, kinh doanh có lãi;
3. Tổ chức kinh tế tập thể phải có tài sản thế chấp, bảo đảm vốn vay;
4. Chấp nhận thể lệ tín dụng của Ngân hàng.

Điều 4. - Đối tượng tín dụng vốn lưu động là các giá trị hàng hoá, vật tư và chi phí cần vay vốn gồm:

- Đối với hoạt động sản xuất, vận tải, xây dựng thì giá trị vật tư hàng hoá và chi phí sản xuất trong các giai đoạn dự trữ, sản xuất, thành phẩm.
- Đối với hoạt động lưu thông, dịch vụ thì vốn dự trữ và luân chuyển hàng hoá, các chi phí lưu thông cần thiết.

Trường hợp đặc biệt có hướng dẫn riêng.

Điều 5. - Giá để tính toán và cho vay theo mức giá của cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Thủ trưởng tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm hoàn toàn về chấp hành chính sách giá của Nhà nước.

Điều 6. - Thời hạn cho vay vốn lưu động nói chung không quá 6 tháng.

Thời hạn vay cụ thể do tổ chức kinh tế thỏa thuận với Ngân hàng.

Các thời hạn cho vay đặc thù có hướng dẫn riêng.

Điều 7. - Lãi suất tín dụng vốn lưu động thực hiện theo khung lãi suất do Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 8. - Hợp đồng tín dụng là cơ sở xác định trách nhiệm giữa Ngân hàng và tổ chức kinh tế trong quan hệ tín dụng; hợp đồng tín dụng được ký theo quý, tháng, một vụ sản xuất, một đợt thu mua, từng phương án kinh tế hay một dịch vụ kinh doanh ngắn ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nếu cần thay đổi những điểm đã cam kết, hai bên cùng nhau bàn bạc và ký phụ kiện bổ sung hợp đồng.

Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo thoả thuận hợp đồng.

Điều 9. - Ngân hàng phát tiền vay dần theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế. Thời hạn cho vay tính từ ngày tổ chức kinh tế nhận tiền vay đến ngày trả hết nợ.

Đến hạn trả, tổ chức kinh tế phải trả nợ Ngân hàng, trường hợp không trả, Ngân hàng chủ động trích tài khoản của tổ chức kinh tế để thu nợ hoặc chuyển sang nợ quá hạn, nếu tài khoản không đủ tiền trả.

Điều 10. - Ngân hàng thực hiện kiểm soát bằng đồng tiền trong quá trình cho vay và sử dụng vốn vay.

Ngân hàng không cho vay đối với các trường hợp xét thấy không bảo đảm các nguyên tắc và điều kiện tín dụng. Ngân hàng có thể thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn, ngừng cho vay một phần hay toàn bộ, nếu tổ chức kinh tế không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. Tín dụng vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh

Điều 11. - Tín dụng vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh (gọi tắt là xí nghiệp) nhằm đáp ứng nhu cầu vốn vượt mức vốn lưu động tự có và tự huy động của xí nghiệp.

Điều 12. - Tín dụng vốn lưu động thực hiện theo một trong hai phương thức tín dụng vốn lưu động theo luân chuyển và tín dụng vốn lưu động thông thường (từng đợt hay từng lần).

1. Tín dụng theo luân chuyển là phương thức vay vốn, trả nợ gắn liền với quá trình dự trữ và luân chuyển hàng hoá, vật tư; trang trải các chi phí trong quá trình sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp (có hướng dẫn cụ thể).

2. Tín dụng thông thường là phương thức áp dụng đối với xí nghiệp không thực hiện tín dụng theo luân chuyển.

Điều 13. - Kế hoạch tín dụng vốn lưu động do xí nghiệp cùng Ngân hàng cơ sở lập và thực hiện.

Hạn mức tín dụng từng quý do xí nghiệp cùng Ngân hàng cơ sở thoả thuận, căn cứ vào nhu cầu vay vốn lưu động cần thiết hợp lý và khả năng nguồn vốn của chi nhánh Ngân hàng chuyên doanh.

Các nhu cầu vay vốn hợp lý ngoài hạn mức tín dụng quý, Ngân hàng xem xét cho vay căn cứ khả năng nguồn vốn.

Điều 14. - Tín dụng luân chuyển thực hiện theo hợp đồng tín dụng từng quý. Hợp đồng tín dụng được ký từ cuối quý trước để thực hiện cho cả quý kế hoạch.

Điều 15. - Áp dụng phương thức tín dụng theo luân chuyển hay thông thường do xí nghiệp lựa chọn và cùng chi nhánh Ngân hàng chuyên doanh thoả thuận. Quá trình thực hiện, một trong hai bên muốn thay đổi phải báo bằng văn bản cho bên kia để áp dụng phương thức khác khi ký hợp đồng tín dụng quý kế tiếp.

A. Tín dụng vốn lưu động theo luân chuyển

Điều 16. - Tín dụng theo luân chuyển được thực hiện theo một tài khoản (gồm tiền gửi và tiền vay) hoặc hai tài khoản: một tài khoản tiền gửi và một tài khoản tiền vay. Việc dùng một hoặc hai tài khoản do xí nghiệp lựa chọn và thoả thuận với chi nhánh Ngân hàng chuyên doanh.

1. Trường hợp áp dụng thể thức "một tài khoản", gọi là tài khoản " tín dụng vốn lưu động" phản ánh mọi khoản vay, trả, gửi và rút tiền về vốn lưu động của xí nghiệp. Dư Nợ, phản ánh số tiền còn vay Ngân hàng, xí nghiệp phải trả lãi Ngân hàng. Dư Có, phản ánh số tiền còn gửi Ngân hàng, xí nghiệp được Ngân hàng trả lãi bằng mức lãi suất tiền gửi.

2. Trường hợp áp dụng thể thức "hai tài khoản" khi xí nghiệp vay vốn, Ngân hàng ghi nợ tài khoản "vay luân chuyển"; toàn bộ tiền bán hàng, dịch vụ và các thu nhập bằng tiền khác của xí nghiệp đều ghi Có tài khoản "vay luân chuyển". Định kỳ đã thoả thuận và theo yêu cầu của xí nghiệp, Ngân hàng trích khoản chênh lệch giữa giá bán với giá vốn đã cho vay cùng các khoản không thuộc tiền trả nợ Ngân hàng chuyển vào tài khoản "tiền gửi" để xí nghiệp sử dụng.